

Số: 05/2019/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 31 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 3125/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

2. Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. /.

Nơi nhận: /

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Phòng: TH, HCTCQT;
- Lưu: VT (10).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Minh

QUY ĐỊNH

**Về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng
nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Mục 1

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức Hội được giao biên chế; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện quy hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các ngành, các cấp.

2. Cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh; cán bộ áp, khu phố được cử đi bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ theo chức danh.

3. Các doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên được phép vận dụng chính sách quy định tại văn bản này trong công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động ở đơn vị. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do đơn vị chi trả.

Điều 2. Phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được hưởng chế độ hỗ trợ khi được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng như sau:

1. Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định.

2. Đào tạo về chuyên môn

a) Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số; theo các đề án, kế hoạch do trung ương, tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu chuẩn hóa về trình độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Đào tạo trình độ đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành nghề đặc thù do còn thiếu nhân lực và cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại mà không thể bố trí được công việc phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo trước đó;

c) Đào tạo sau đại học đối với công chức, viên chức các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

d) Đào tạo trình độ tiến sĩ đối với viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một;

đ) Đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị còn lại (các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác; các tổ chức Hội được giao biên chế).

3. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế; tin học; ngoại ngữ; tiếng dân tộc (nếu có).

4. Điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

a) Điều kiện chung:

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; phù hợp với vị trí việc làm, quy định về thời gian công tác và quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị; ngành nghề đề nghị cử đi đào tạo sau đại học phải phù hợp với chuyên ngành đã tốt nghiệp đại học và các quy định khác về đào tạo, bồi dưỡng hiện hành của tỉnh.

b) Điều kiện cụ thể:

- Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế khi cử đi đào tạo sau đại học phải tốt nghiệp đại học chính quy tập trung từ loại trung bình khá trở lên; đối với đại học vừa làm vừa học phải tốt nghiệp từ loại khá trở lên.

- Công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đi học đúng chuyên ngành tại các Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP.HCM, Trường Đại học Thể dục Thể thao TP.HCM, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Công chức, viên chức chuyên môn y tế đi học đúng chuyên ngành tại các Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Dược TP.HCM, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo và đơn vị y tế đã được cấp mã số đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng như sau:

1. Hỗ trợ đi học

a) Tại Hà Nội:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 4.500.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 150.000 đồng/ngày/người.

b) Tại các tỉnh, thành khác:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 3.000.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 100.000 đồng/ngày/người.

c) Trong tỉnh:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 1.500.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 50.000 đồng/ngày/người.

d) Người được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các chế độ hỗ trợ như trên thì không hưởng thêm chế độ hỗ trợ chi tiền ăn theo quy định của Trung ương.

đ) Người được cử tham dự các lớp tập huấn, đào tạo theo văn bản triệu tập của Trung ương, ngành thì hưởng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

2. Các chi phí khác

a) Học phí:

- Học phí, giáo trình, y tế phí được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường.
- Đối với các lớp đào tạo dài hạn mà cơ quan công tác cách xa trường từ 20 km trở lên phải ở nội trú thì được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường; trường hợp không có phiếu thu thì được hỗ trợ tiền trọ 30.000 đồng/ngày/người. Đối với các lớp ngắn hạn dưới 01 tháng được thanh toán theo mức lưu trú dành cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.

b) Tiền tàu xe:

- Học ở các tỉnh phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra): Được thanh toán 01 lần bắt đầu nhập học và 01 lần kết thúc khóa học và mỗi năm được thanh toán tiền đi về vào dịp hè và Tết nguyên đán 02 lần (04 lượt/năm). Trong đó:

+ Người có chức vụ từ Thường vụ huyện, thị ủy, thành ủy trở lên; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên; cán bộ, công chức là chuyên viên chính và các chức danh khác có mức lương từ hệ số 5,42 trở lên được thanh toán tiền vé máy bay.

+ Các đối tượng còn lại được thanh toán tiền vé tàu hỏa thông thường (vé giường nằm).

- Học ở các tỉnh còn lại, mỗi tháng được thanh toán tiền vé xe công cộng 01 lần (02 lượt).

- Học trong tỉnh được thanh toán tiền vé xe công cộng mỗi tuần 01 lần (02 lượt) đối với các trường hợp có khoảng cách từ cơ quan làm việc đến trường từ 20 km trở lên.

- Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, người dân tộc thiểu số khi đi học các lớp có thời gian từ 01 tháng trở lên thì mỗi tháng học được cấp thêm 500.000 đồng/tháng/người.

c) Hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế:

- Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi học các lớp trung cấp, cao cấp lý luận chính trị được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế thì không được hưởng chế độ hỗ trợ đi học cho những ngày đi nghiên cứu thực tế.

Điều 4. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

1. Chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp được áp dụng đối với:

a) Công chức, viên chức ngành y tế (Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Phòng Y tế cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp y tế) đi học chuyên môn y tế; công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học nếu có làm luận văn tốt nghiệp thì được hỗ trợ với các mức như sau:

- Ngành y tế:

+ Tiến sĩ: 60.000.000 đồng.

+ Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.

+ Chuyên khoa cấp II: 55.000.000 đồng.

+ Chuyên khoa cấp I: 40.000.000 đồng.

- Các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

+ Tiến sĩ: 50.000.000 đồng.

+ Thạc sĩ: 40.000.000 đồng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo Tiến sĩ thì được hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp 50.000.000 đồng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức sau khi bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và được cấp văn bằng chính thức đúng thời hạn quy định của khóa học thì cơ quan làm thủ tục gửi cơ quan tài chính cùng cấp để được giải quyết hỗ trợ, đồng

thời gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ để tổng hợp. Hồ sơ đề nghị giải quyết gồm có:

- a) Đơn đề nghị của cá nhân;
- b) Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý cử cán bộ, công chức, viên chức đi học;
- c) Văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);
- d) Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);
- đ) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;
- e) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Điều 5. Chế độ khuyến khích tự đào tạo

1. Đối tượng và điều kiện được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo

- a) Chế độ khuyến khích tự đào tạo được áp dụng đối với:
 - Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đi học từ trình độ đại học trở lên;
 - Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế đi học từ trình độ đại học trở lên;
 - Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:
 - + Công chức, viên chức các trường Trung học cơ sở tốt nghiệp đại học hệ chính quy tập trung đi học thạc sĩ;
 - + Công chức, viên chức các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đi học sau đại học.
 - Viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một đi học tiến sĩ;
 - Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị còn lại (các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế) đi học sau đại học.
- b) Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:
 - Tự túc kinh phí học tập cho toàn bộ khóa học;
 - Chuyên ngành học phải phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; đối với đào tạo sau đại học, chuyên ngành học đồng thời phải phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo ở bậc đại học.

- Cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành theo sự phân công của tổ chức sau khi tốt nghiệp khóa học ít nhất là 05 năm.

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên, kể từ ngày được tuyển dụng; nam không quá 50 tuổi, nữ không quá 45 tuổi.

- Khi đi học phải có Quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền (đối với đi học ở nước ngoài); văn bản thỏa thuận với Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy và có quyết định cử đi học của thủ trưởng cơ quan (đối với đi học trong nước).

2. Các mức hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi tốt nghiệp các trường đào tạo trong nước, kể cả liên kết đào tạo với nước ngoài được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 25.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp II: 27.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng.
- Đại học: 10.000.000 đồng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp các trường nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài) được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- Tiến sĩ: 100.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi trúng tuyển phải làm hồ sơ thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí. Hồ sơ thỏa thuận gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ. Căn cứ đề nghị của các cơ quan, Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ có văn bản thỏa thuận. Hồ sơ thỏa thuận khi đi học gồm có:

- a) Đơn đề nghị của cá nhân về việc đi học tự túc kinh phí đào tạo;
- b) Thông báo chiêu sinh khóa đào tạo;
- c) Thông báo/Giấy báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo;

d) Văn bản của cơ quan nơi đang công tác đề nghị thỏa thuận cử cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đi học tự túc kinh phí (trong văn bản nêu rõ họ tên, năm sinh, giới tính, thời gian công tác, chức vụ/chức danh, trình độ chuyên môn hiện có; công việc đang đảm nhận; ngành học, trường/cơ sở đào tạo, hình thức đào tạo).

- đ) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

4. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi tốt nghiệp khóa học thì làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo gửi về cơ quan tài chính cùng cấp để được giải quyết, đồng thời báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ để tổng hợp. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo kèm theo văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

b) Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có);

đ) Văn bản thỏa thuận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ.

Mục 2 **HỖ TRỢ ĐÀO TẠO Ở NƯỚC NGOÀI**

Điều 6. Các khoản chi phí đào tạo ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo toàn phần ở nước ngoài được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí (theo thông báo của các cơ sở đào tạo nước ngoài).

2. Sinh hoạt phí bao gồm: Tiền ăn, ở, chi phí đi lại hàng ngày, tiền tài liệu và đồ dùng học tập.

3. Bảo hiểm y tế (mức bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài của nước sở tại).

4. Tiền vé máy bay hạng thường 01 lượt từ Việt Nam đến nơi học tập và 01 lượt từ nơi học tập về Việt Nam cho cả khóa học.

5. Chi phí đi đường được cấp 01 lần cho suốt quá trình học tập.

6. Chi phí làm thủ tục xuất nhập cảnh (hộ chiếu, visa).

7. Lệ phí ghi danh.

8. Phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng (nếu có) theo quy định hiện hành.

9. Chi khen thưởng:

a) Trường hợp hoàn thành chương trình học tập với kết quả xuất sắc trước thời gian quy định ghi trong quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền và có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền sinh hoạt phí của thời gian hoàn thành trước hạn.

b) Trường hợp đạt kết quả học tập xuất sắc được cơ sở đào tạo ở nước ngoài miễn hoặc giảm học phí, có giấy báo của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền được miễn hoặc giảm và được cấp một lần vào năm được miễn, giảm học phí.

10. Chi hỗ trợ rủi ro, bất khả kháng xảy ra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian học ở nước ngoài (xem xét đối với từng trường hợp cụ thể).

Các khoản chi nêu trên được thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 7. Các khoản chi phí cho các khóa đào tạo ở nước ngoài có thời gian học trong nước

Cán bộ, công chức, viên chức được tinh cử đi đào tạo có thời gian học trong nước và thời gian học, thực tập ở nước ngoài thì thời gian học ở trong nước được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí.
2. Sinh hoạt phí tùy theo trình độ đào tạo cho thời gian đào tạo tại Việt Nam theo mức hỗ trợ học tập như đối với lưu học sinh theo chương trình đào tạo phối hợp hoặc chi hỗ trợ đối với trường hợp đào tạo ngoại ngữ trong nước.
3. Chi phí các kỳ thi đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có).

Điều 8. Các khoản chi phí đối với các lớp đào tạo liên kết với nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo các khóa học liên kết với nước ngoài có thời gian học toàn phần tại Việt Nam được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí.
2. Hỗ trợ đi học theo các mức quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 9. Chế độ hỗ trợ diện được học bổng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được học bổng toàn phần do Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các học bổng khác được Chính phủ Việt Nam cho phép đề tài trợ chi phí cho toàn bộ khóa học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài, không sử dụng ngân sách Nhà nước thì được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 50% mức sinh hoạt phí toàn phần tùy thuộc vào nước đến học tập theo quy định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, người dân tộc thiểu số khi đi học được cấp thêm 50 đô la Mỹ/tháng/người.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ của tỉnh phải cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành sự phân công của cơ quan có thẩm quyền công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh ít nhất

là 05 năm đối với trình độ thạc sĩ và 10 năm đối với trình độ tiến sĩ. Trường hợp không công tác đủ thời gian quy định thì phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận tương ứng với tỷ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được học bổng đi đào tạo ở nước ngoài nếu sinh hoạt phí thấp hơn mức sinh hoạt phí Nhà nước quy định thì được cấp bù phần chênh lệch.

4. Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ diện được học bổng bao gồm:

a) Đơn đề nghị được hưởng chế độ hỗ trợ diện được học bổng; văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao y từ bản chính);

b) Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền;

c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Chương II **CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC**

Mục 1

PHẠM VI, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN THU HÚT

Điều 10. Phạm vi thu hút

Chính sách thu hút nguồn nhân lực được áp dụng đối với:

1. Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế.

3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

4. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 11. Hình thức và đối tượng thu hút

1. Thu hút theo hình thức mời trực tiếp các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

2. Thu hút theo hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế:

a) Ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế:

- Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú;

- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I;

- Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt chính quy (hệ đào tạo 06 năm);
- Cử nhân, kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành Bảo trì thiết bị y tế).

b) Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương

- Tiến sĩ - Giảng viên chính, Tiến sĩ;
- Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú;
- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

c) Trường Đại học Thủ Dầu Một:

- Giáo sư;
- Phó Giáo sư;
- Tiến sĩ - Giảng viên chính;
- Tiến sĩ.

d) Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

- Người tốt nghiệp sau đại học các trường trong nước:

+ Tiến sĩ;

+ Thạc sĩ tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học từ 8,0 trở lên, không có môn nào dưới 7 và điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 9 trở lên các trường trong nước.

- Người tốt nghiệp đại học, sau đại học các cơ sở đào tạo ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài):

+ Tiến sĩ;

+ Thạc sĩ loại giỏi, xuất sắc theo xếp hạng/phân loại của các cơ sở giáo dục ở nước ngoài;

+ Đại học loại giỏi, loại xuất sắc.

- Người tốt nghiệp thủ khoa, loại xuất sắc, loại giỏi hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học công lập ở trong nước.

Điều 12. Điều kiện thu hút

1. Người được thu hút có trình độ chuyên môn thuộc các ngành, nghề, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu, phù hợp với vị trí việc làm, biên chế được giao và theo danh mục, số lượng thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm; chấp hành sự phân công, bố trí của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với chuyên môn y tế phải thông qua sát hạch của Hội đồng xét tuyển do Sở Y tế tỉnh Bình Dương thành lập trước khi được tuyển dụng chính thức.

2. Về văn bằng

a) Đối với ngành Y tế: Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt và bác sĩ có trình độ sau đại học (trước đó phải tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy 06 năm) tốt nghiệp từ các trường Đại học: Y Hà Nội, Y Dược TP.HCM, Y Dược Huế, Y Dược Cần Thơ, Y khoa Phạm Ngọc Thạch vừa mới tốt nghiệp hoặc đã có thời gian công tác liên tục tại các cơ sở y tế công lập có giường bệnh và được bố trí vị trí việc làm là bác sĩ điều trị.

b) Đối với các ngành còn lại: người được thu hút có trình độ sau đại học trước đó phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy các trường đại học công lập đạt từ loại khá trở lên, chuyên ngành sau đại học phải phù hợp với ngành đã tốt nghiệp đại học.

c) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

3. Về độ tuổi

a) Thu hút theo hình thức tiếp nhận:

- Giáo sư, Phó Giáo sư: không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ;

- Tiến sĩ: không quá 50 tuổi đối với nam và nữ.

- Bác sĩ chuyên khoa cấp II: không quá 40 tuổi;

- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú: không quá 35 tuổi;

- Bác sĩ: không quá 30 tuổi. Đối với bác sĩ được thu hút về công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế thì không quá 40 tuổi.

b) Thu hút theo hình thức tuyển dụng: độ tuổi theo quy định về thi tuyển, xét tuyển nhưng phải đảm bảo thời gian công tác sau khi tuyển dụng ít nhất phải bằng thời gian phục vụ khi được hưởng chế độ thu hút.

c) Những trường hợp đặc biệt như chuyên gia đầu ngành, người có nhiều kinh nghiệm, trình độ tay nghề cao, các chuyên khoa hiếm (ngành y tế)...thì độ tuổi có thể cao hơn quy định và do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Thời gian phục vụ

1. Người được thu hút về công tác trong ngành y tế phải cam kết công tác tại các cơ sở y tế ít nhất 10 năm nếu đã được cấp chứng chỉ hành nghề hoặc 12 năm nếu chưa được cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Người được thu hút về công tác tại Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế phải cam kết công tác tại tỉnh ít nhất là 10 năm.

3. Người được thu hút về công tác các ngành còn lại phải cam kết công tác tại tỉnh ít nhất là 05 năm.

4. Những trường hợp đặc biệt cần phải thu hút nhưng người được thu hút không còn đủ thời gian cam kết phải phục vụ theo quy định thì chế độ thu hút được hưởng tương ứng với thời gian công tác còn lại.

5. Đối với người được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, thời gian phục vụ do các bên thống nhất tùy theo từng trường hợp cụ thể khi ký kết.

Điều 14. Nghĩa vụ của người được thu hút

1. Người được thu hút về tình công tác có nghĩa vụ thực hiện đúng thời hạn cam kết phục vụ; chịu sự quản lý và phân công, bố trí công tác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong thời gian thực hiện cam kết nếu cá nhân có nguyện vọng chuyển công tác hợp lý sẽ được xem xét giải quyết và cá nhân phải bồi hoàn lại số tiền tương ứng theo tỷ lệ thời gian chưa thực hiện theo cam kết.

3. Trong thời gian cam kết phục vụ mà tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác mà không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, không hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của cơ quan, đơn vị trong thời gian 02 năm liên tiếp hoặc các trường hợp khác do lỗi chủ quan của người được thu hút thì phải bồi hoàn số tiền thu hút đã nhận theo tỷ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác. Thời hạn hoàn trả là 03 tháng kể từ khi có quyết định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền. Nếu không hoàn trả trong thời hạn quy định, cơ quan, đơn vị sẽ lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2

CHẾ ĐỘ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 15. Chế độ thu hút đối với hình thức mời trực tiếp

1. Người được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, khi về tỉnh công tác được hưởng các chế độ đãi ngộ:

- a) Hưởng chế độ thu hút 01 lần ngay sau khi về công tác;
- b) Được bố trí nhà ở hoặc trả tiền thuê nhà ở khi có nhu cầu thực tế;
- c) Được hỗ trợ thêm ngoài tiền lương hàng tháng;
- d) Được hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc.

2. Căn cứ yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và đề nghị của các cơ quan, đơn vị, tỉnh thành lập Hội đồng Tư vấn (Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Tư vấn) để tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục ngành nghề, số lượng, chế độ thu hút và các chế độ đãi ngộ khác (hỗ trợ hàng tháng, nhà ở...) cho từng trường hợp cụ thể khi thu hút.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hút các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

a) Hình thức mời trực tiếp:

- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút trực tiếp mời các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề gửi công văn đề nghị kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này về Sở Nội vụ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị và hồ sơ kèm theo của các cơ quan, đơn vị (tính theo dấu bưu điện nếu gửi qua đường bưu điện hoặc dấu công văn đến trong trường hợp gửi trực tiếp), Sở Nội vụ có văn bản gửi các thành viên Hội đồng Tư vấn đề nghiên cứu (kèm theo công văn và hồ sơ của cơ quan, đơn vị đề nghị).

- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn để thống nhất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ có văn bản trình Tỉnh ủy (đối với thu hút về các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể), Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với thu hút về các cơ quan hành chính, sự nghiệp) xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này do Sở Nội vụ trình, Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hút hoặc có công văn trả lời trong trường hợp không chấp thuận.

- Người được thu hút nhận Quyết định thu hút hoặc công văn trả lời qua đường bưu điện.

b) Hình thức cá nhân liên hệ theo danh mục thu hút của tỉnh:

- Căn cứ danh mục thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm, các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút phải gửi công văn đề nghị kèm theo hồ sơ của người thu hút về Sở Nội vụ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị và hồ sơ kèm theo của các cơ quan, đơn vị (tính theo dấu bưu điện nếu gửi qua đường bưu điện hoặc dấu công văn đến trong trường hợp gửi trực tiếp), Sở Nội vụ có văn bản gửi các thành viên Hội đồng Tư vấn đề nghiên cứu (kèm theo công văn và hồ sơ của cơ quan, đơn vị đề nghị).

- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn để thống nhất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ có văn bản trình Tỉnh ủy (đối với thu hút về các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn

thẻ), Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với thu hút về các cơ quan hành chính, sự nghiệp) xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này do Sở Nội vụ trình, Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hút hoặc có công văn trả lời trong trường hợp không chấp thuận.

- Người được thu hút nhận Quyết định thu hút hoặc công văn trả lời qua đường bưu điện.

4. Hồ sơ

a) Hồ sơ của người được thu hút

- Hình thức mời trực tiếp:

+ Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận...(bản chứng thực sao y) của người được đề nghị thu hút;

+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chứng thực sao y);

+ Bản chính tóm tắt các công trình, đề tài, đề án đã công bố hoặc tham gia;

+ Bản chính tóm tắt quá trình công tác/hoạt động của cá nhân.

- Hình thức cá nhân liên hệ theo danh mục thu hút của tỉnh:

+ Văn bản đề nghị của cá nhân;

+ Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận...(bản chứng thực sao y) của người được đề nghị thu hút.

+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chứng thực sao y);

+ Bản chính tóm tắt các công trình, đề tài, đề án đã công bố hoặc tham gia.

+ Bản chính tóm tắt quá trình công tác/hoạt động của cá nhân.

b) Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định

+ Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút;

+ Hồ sơ cá nhân của người được thu hút theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này;

+ Biên bản họp của Hội đồng Tư vấn;

+ Công văn của Sở Nội vụ trình Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế

1. Ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế

Thu hút về các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan quản lý nhà nước về y tế (Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình), Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng bác sĩ:

a) Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú: 600.000.000 đồng;

b) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 500.000.000 đồng;

c) Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt:

- Tốt nghiệp loại giỏi trở lên: 450.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp loại khá: 420.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp loại trung bình, trung bình khá: 400.000.000 đồng.

d) Cử nhân, kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành bảo trì thiết bị y tế): 50.000.000 đồng.

2. Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương

Người có chuyên môn về y tế khi được thu hút về Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được hưởng chế độ thu hút:

a) Tiến sĩ - Giảng viên chính: 600.000.000 đồng;

b) Tiến sĩ: 550.000.000 đồng;

c) Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú: 500.000.000 đồng;

d) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 450.000.000 đồng.

3. Trường Đại học Thủ Dầu Một

a) Giáo sư: 300.000.000 đồng;

b) Phó Giáo sư: 250.000.000 đồng;

c) Tiến sĩ - Giảng viên chính: 200.000.000 đồng;

d) Tiến sĩ: 180.000.000 đồng.

4. Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

a) Tiến sĩ:

- Tốt nghiệp các trường trong nước: 30.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp các trường ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài): 40.000.000 đồng.

b) Thạc sĩ:

- Tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học từ 8,0 trở lên, không có môn nào dưới 7 và điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 9 trở lên các trường trong nước: 20.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc theo xếp hạng/phân loại của các cơ sở giáo dục ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài): 25.000.000 đồng.

c) Trình độ đại học:

- Người tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc các cơ sở đào tạo ở nước ngoài: 15.000.000 đồng;

- Người tốt nghiệp thủ khoa hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo công lập ở trong nước: 10.000.000 đồng;

- Người tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc hệ chính quy các cơ sở đào tạo công lập ở trong nước: 5.000.000 đồng.

5. Hồ sơ đề nghị chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế, gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ thu hút, trong đó có cam kết phục vụ theo đúng thời hạn quy định đính kèm văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm của khóa đào tạo (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

b) Quyết định tuyển dụng/tiếp nhận của cấp có thẩm quyền;

c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi được tuyển dụng/tiếp nhận về công tác;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Hồ sơ đề nghị gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ. Căn cứ đề nghị của các cơ quan, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết chế độ thu hút.

Chương III CÁC CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ

Mục 1 CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHUNG

Điều 17. Hỗ trợ lương khởi điểm trong thời gian tập sự

Người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy, sau đại học trong nước (có bằng đại học chính quy phù hợp với chuyên ngành); đại học và sau đại học ở nước ngoài khi tuyển dụng mới vào một ngạch công chức, viên chức được hỗ trợ thêm cho đủ 100% lương bậc khởi điểm trong thời gian tập sự.

Điều 18. Chế độ hỗ trợ thuê nhà ở và hỗ trợ khác

1. Người được thu hút về công tác trong Ngành Y tế, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương, trừ đối tượng được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với người có thuê nhà thực tế.

b) Người được thu hút là nữ, người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 năm, kể từ ngày đến nhận công tác.

3. Hồ sơ đề nghị thanh toán hỗ trợ tiền thuê nhà gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tiền thuê nhà (có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan);

b) Hợp đồng thuê nhà theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Bản photocopy hộ khẩu kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y;

d) Sổ đăng ký tạm trú, tạm vắng (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y).

Mục 2

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

Điều 19. Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học (trừ viên chức sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã)

1. Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học công tác tại các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, hành chính, đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế và người được thu hút về công tác ở các cơ quan nêu trên tại tỉnh Bình Dương được hỗ trợ hàng tháng theo các mức:

a) Tiến sĩ: 0,7 x mức lương cơ sở;

b) Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 0,5 x mức lương cơ sở;

c) Chuyên khoa cấp I: 0,3 x mức lương cơ sở.

2. Hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, sự đóng góp vào kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị đối với từng cá nhân được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này và có văn bản gửi Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy để được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ hoặc ngừng giải quyết chế độ hỗ trợ. Văn bản đánh giá gửi về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 20. Hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập

Công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập được hỗ trợ hàng tháng theo các mức sau:

1. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các xã:

- a) Trình độ sau đại học: 3,0 x mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 2,5 x mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 1,0 x mức lương cơ sở;
- d) Trình độ sơ cấp: 0,5 x mức lương cơ sở.

2. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng Khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các phường, thị trấn thuộc thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo, huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên:

- a) Trình độ sau đại học: 2,5 x mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 2,0 x mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 x mức lương cơ sở;
- d) Trình độ sơ cấp: 0,3 x mức lương cơ sở.

3. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các phường thuộc thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An và thành phố Thủ Dầu Một:

- a) Trình độ sau đại học: 2,0 x mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 1,5 x mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,5 x mức lương cơ sở.

4. Công tác tại các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ:

- a) Trình độ sau đại học:
 - Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, tiến sĩ y khoa: 3,5 x mức lương cơ sở;
 - Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I: 3,0 x mức lương cơ sở;
 - Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ sau đại học còn lại: 2,2 x mức lương cơ sở.
- b) Trình độ đại học:
 - Bác sĩ: 2,0 x mức lương cơ sở;
 - Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ đại học còn lại: 1,5 x mức lương cơ sở.
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 x mức lương cơ sở.

5. Công tác tại các cơ sở y tế công lập khác:

- a) Trình độ sau đại học:
 - Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp II: 2,5 x mức lương cơ sở;
 - Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I: 2,2 x mức lương cơ sở;
 - Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ sau đại học còn lại: 1,8 x mức lương cơ sở.

b) Trình độ đại học:

- Bác sĩ: 2,0 x mức lương cơ sở;
- Các chức danh chuyên môn y tế còn lại: 1,0 x mức lương cơ sở;

c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,5 x mức lương cơ sở.

6. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên môn y tế là 05 năm.

Điều 21. Hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế

1. Hỗ trợ thâm niên

Bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và có thời gian công tác đủ 5 năm (60 tháng, không kể thời gian tập sự) thì được hưởng chế độ hỗ trợ thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ 06 trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%. Hỗ trợ thâm niên được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Hỗ trợ một lần

a) Hỗ trợ một lần cho bác sĩ đa khoa, chuyên khoa, bác sĩ răng hàm mặt (trước đó tốt nghiệp hệ chính quy 06 năm) là viên chức đang công tác tại khối điều trị tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Công tác chưa đủ hoặc đủ 05 năm (tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng đến thời điểm quy định này có hiệu lực): 100.000.000 đồng;

- Công tác từ trên 05 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng.

b) Đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này có thời gian công tác còn lại không đủ 10 năm thì mỗi năm công tác còn lại được hỗ trợ 20.000.000 đồng nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Người được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này phải cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đang được hưởng chính sách thu hút nhưng chưa phục vụ đủ thời gian quy định thì thời gian phải phục vụ bao gồm thời gian còn lại chưa phục vụ của chế độ hỗ trợ hiện hưởng cộng với thời gian phải phục vụ khi hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều này. Người được hưởng chế độ hỗ trợ nếu không phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải bồi hoàn lại mỗi năm 10.000.000 đồng.

- Người được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điều b, Khoản 2 Điều này phải cam kết tiếp tục phục vụ đến đủ tuổi nghỉ hưu. Trường hợp không phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải bồi hoàn lại số tiền tương ứng theo tỷ lệ thời gian chưa thực hiện theo cam kết.

Điều 22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học

1. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức có trình độ sau đại học được bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ

a) Tiến sĩ: 2,5 x mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 1,5 x mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Chuyên khoa cấp I: 1,0 x mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 năm.

Điều 23. Hỗ trợ cho công chức, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, giáo dục và đào tạo

1. Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành y tế gồm: Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đang hưởng tại thời điểm điều động.

2. Công chức, viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành giáo dục - đào tạo gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi đang hưởng tại thời điểm điều động.

3. Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ là 03 năm kể từ ngày nhận quyết định điều động.

Điều 24. Hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, kể cả đối tượng tạo nguồn của tỉnh hiện đang công tác ở cấp xã có trình độ đại học, sau đại học.

2. Các mức hỗ trợ

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp không hưởng chế độ đào tạo theo quy định

- Công tác tại các xã:

+ Trình độ đại học: 0,8 x mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 1,1 x mức lương cơ sở/người/tháng.

- Công tác tại các phường, thị trấn:

+ Trình độ đại học: 0,6 x mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,9 x mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp hưởng chế độ đào tạo theo quy định

- Công tác tại các xã:

+ Trình độ đại học: 0,6 x mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,9 x mức lương cơ sở/người/tháng.

- Công tác tại các phường, thị trấn:

+ Trình độ đại học: 0,4 x mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,7 x mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này nếu tốt nghiệp đại học hệ chính quy được hưởng thêm 0,2 x mức lương cơ sở/người/tháng; người có nhiều văn bằng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ đối với văn bằng cao nhất.

Chương IV

NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ QUY ĐỊNH CHUYÊN TIẾP

Điều 25. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức tự túc, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm.

3. Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố do ngân sách nhà nước cấp.

4. Kinh phí thực hiện thu hút nguồn nhân lực do ngân sách nhà nước cấp.

5. Kinh phí hỗ trợ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Cán bộ công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cán bộ ấp, khu phố đã được cơ quan có

thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà khóa học chưa kết thúc thì tiếp tục được hưởng các chế độ hỗ trợ đi học theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa tốt nghiệp thì sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định được hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp với các mức như sau:

a) Các ngành y tế, xây dựng, kiến trúc, công nghệ thông tin:

- Tiến sĩ: 60.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp II: 55.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp I: 40.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp I học Thạc sĩ: 28.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp II học Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.

b) Các ngành còn lại:

- Tiến sĩ: 50.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 40.000.000 đồng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa tốt nghiệp thì sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định được giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- a) Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.
- b) Thạc sĩ: 25.000.000 đồng.
- c) Chuyên khoa cấp II: 27.000.000 đồng.
- d) Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng.
- đ) Đại học: 10.000.000 đồng.

4. Cán bộ quản lý, nhà giáo thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về phụ trách công tác dạy nghề tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi đang hưởng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại thời điểm điều động đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà hưởng chưa đủ 03 năm thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ này cho đủ 03 năm.

5. Hỗ trợ cho viên chức y tế học đường

Viên chức y tế công tác ở các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đang được hưởng chế độ hỗ trợ viên chức y tế học đường đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà hưởng chưa đủ 05 năm thì tiếp tục được hưởng chế độ hỗ trợ này cho đủ 05 năm theo các mức:

a) Viên chức y tế có trình độ bác sĩ hoặc tương đương được hỗ trợ 0,7 x mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Viên chức y tế có trình độ trung cấp, y sĩ hoặc tương đương được hỗ trợ 0,3 x mức lương cơ sở/người/tháng.

6. Ngoài các chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều này, cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng các chế độ hỗ trợ khác được tiếp tục quy định tại Quy định này nhưng đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa hưởng đủ thời gian quy định thì tiếp tục được hưởng cho đến khi đủ thời gian theo Quy định này. Trường hợp đã hưởng các chế độ hỗ trợ đủ thời gian quy định thì không được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quy định này. /.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Minh